

Số: /HD-BVHTTDL

Hà Nội, ngày tháng 4 năm 2026

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
ĐẾN Số: 3574 và điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
Ngày: 14/04/2026 giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIẢ
CT L.N.Châu		X
Đ.T.Trung		
PCT TT L.A.Quân		
PCT V.T.Phung		
PCT L.T.Kiên		
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		
PCT H.M.Cường		
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiên		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		X
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hùng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		X
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Thực hiện Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới¹ và điều kiện đối với tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 như sau:

NỘI DUNG “XÃ ĐẠT TIÊU CHÍ VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA”

1. Đối với xã nhóm 1

1.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

- Diện tích: đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi tắt là Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT); nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05

¹ Xã nông thôn mới được chia thành xã nhóm 1, xã nhóm 2 và xã nhóm 3 thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030

năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây gọi tắt QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD).

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, thông, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao và tại các khu đô thị, khu dân cư, thôn, làng, bản, ấp, tổ dân phố và tương đương (sau đây gọi chung là thôn) và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

- Thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện (sau đây gọi tắt là Nghị định số 93/2020/NĐ-CP).

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó tối thiểu 70% đạt chuẩn. 100% khu đô thị mới có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó có 100% đạt chuẩn theo quy định.

Nhà văn hóa-Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL). Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- 100% thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em.

- 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn và các điểm sinh hoạt công cộng có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

1.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế hoạt động và vận hành hiệu quả.
- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 06 đến 08 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.
- Có từ 02 đến 04 đội, câu lạc bộ, nhóm sở thích (sau đây gọi chung là câu lạc bộ) được thành lập và hoạt động thường xuyên.
- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.
- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 04 hoạt động/năm.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.
- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cụ thể:
 - + Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;
 - + Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.
- 70% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

đ) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động và Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn và Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại các điểm a, b, c, d khoản 1.2 mục 1 phần I.

1.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định

- Thôn được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 86/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về khung tiêu chuẩn và trình tự, thủ tục, hồ sơ xét tặng đối với các danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, “Xã, phường, đặc khu tiêu biểu” (sau đây gọi tắt là Nghị định 86/2023/NĐ-CP); Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 129/2025/NĐ-CP); Điều 6, Điều 8 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 152/2025/NĐ-CP); Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật đạt từ 98% trở lên.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả (theo hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

đ) Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Danh mục hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng.

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại các điểm a, b, c, d khoản 1.3 mục 1 phần I.

1.4. Về di sản văn hóa

a) 100% di tích cấp quốc gia trở lên (bao gồm: các di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ) trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 34).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hồ sơ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khảo cổ; quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình, sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong, nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thế giới; dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình kiến trúc hạ tầng kỹ thuật và trưng bày bảo tàng công lập (sau đây gọi tắt là Nghị định 208/2025/NĐ-CP).

b) 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 35 và Điều 36).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; định mức kinh tế - kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL).

c) 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh,

về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối với cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (nếu có).

đ) Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 15).

- Điều 5, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể (sau đây gọi tắt là Nghị định số 215/2025/NĐ-CP).

- Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa (Nghị định số 308/2025/NĐ-CP).

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

1.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số

- Chỉ tiêu: Đạt, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

b) 100% các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.

1.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

a) 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

b) 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

2. Đối với xã nhóm 2

2.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

- Diện tích: đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao tại thôn và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

- Thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu về bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, kho, phòng chuyên môn, nghiệp vụ và khu vệ sinh.

- c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng
- 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao, trong đó có 70% đạt chuẩn.

Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL. Diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- Tỷ lệ thôn có điểm sinh hoạt công cộng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em đạt $\geq 80\%$.

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và các điểm sinh hoạt công cộng có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

2.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế quản lý và vận hành được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 05 đến 07 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có từ 02 đến 04 câu lạc bộ được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 03 hoạt động/năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 75% thôn có mô hình thư viện cộng đồng hoặc thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, cụ thể:

+ Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 70% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

- Có tối thiểu 35% hộ gia đình và 45% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

đ) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động và Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn và Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại các điểm a, b, c, d khoản 2.2 mục 2 phần I.

2.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định

- Thôn được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP, Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Điều 6, Điều 8 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP; Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật đạt từ 95% trở lên.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả (theo hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

đ) Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Danh mục hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng.

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại điểm a, b, c, d khoản 2.3 mục 2 phần I.

2.4. Về di sản văn hóa

a) 100% di tích cấp quốc gia trở lên (bao gồm: các di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ) trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 34).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

b) 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 35 và Điều 36).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL.

c) 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối với cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (nếu có).

đ) Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hành, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 15).

- Điều 5, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP.

- Điều 97 và Điều 98 Nghị định số 308/2025/NĐ-CP

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

2.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số

- Chỉ tiêu: Đạt, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

b) 100% các đơn vị hoạt động văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn xã được tin học hóa, chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ.

c) Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.

2.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

a) 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

b) 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

3. Đối với xã nhóm 3

3.1. Về cơ sở vật chất văn hóa

a) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã được xác định đạt chuẩn khi đảm bảo các yêu cầu sau:

- Được quy hoạch, xây dựng tại vị trí trung tâm, tách biệt với trụ sở cơ quan hành chính; thuận lợi để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí; bảo đảm người dân trong vùng dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

- Thiết kế có kiến trúc phù hợp với bản sắc văn hóa địa phương và không gian văn hóa truyền thống; có quy mô xây dựng, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang

thiết bị và hệ thống các phòng chức năng đồng bộ, bảo đảm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của thiết chế văn hóa, thể thao.

- Diện tích: đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- Có hội trường đa năng và các phòng chức năng cơ bản như: hành chính; văn hóa, nghệ thuật, tuyên truyền lưu động; thông tin truyền thanh; câu lạc bộ; phòng tập các môn thể thao đơn giản. Có ít nhất 01 công trình thể dục, thể thao như sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi hoặc hồ bơi và các sân thể thao đơn giản khác; có hệ thống công trình phụ trợ thiết yếu như: công trình vệ sinh, cấp nước, khu để xe, vườn hoa, cây xanh đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có trang thiết bị phục vụ hoạt động gồm: âm thanh, ánh sáng, phong, màn sân khấu, khánh tiết, bàn ghế, nhạc cụ, đạo cụ, phục trang biểu diễn; các công cụ, kỹ thuật số giúp sáng tạo, lưu trữ, phát hành và quảng bá sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, truyền thông trên môi trường số; dụng cụ, thiết bị tập luyện thể dục, thể thao chuyên dùng trong nhà và ngoài trời đảm bảo theo công trình và từng môn thể thao; dụng cụ vui chơi giải trí cho trẻ em gắn với quảng trường, công viên, thiết chế văn hóa cơ sở, các điểm tập thể thao tại thôn và các thiết bị cần thiết khác theo điều kiện thực tế.

b) Thư viện công cộng cấp xã

- Thư viện công cộng cấp xã bảo đảm các điều kiện theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14; Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Diện tích bảo đảm không thấp hơn quy định tại nội dung 2.16.6.3 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD, đáp ứng yêu cầu bảo quản tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ và khu vệ sinh.

c) Không gian sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cộng đồng

- 100% thôn có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt 100%, trong đó có 70% đạt chuẩn.

Nhà văn hóa-Khu thể thao đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL. Diện tích đất sử dụng đảm bảo theo quy định tại Điều 4, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Định mức ban hành kèm theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; nội dung 2.3.2, 2.3.3, 2.16.6 và các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- Tỷ thôn có điểm sinh hoạt cộng đồng được lắp đặt dụng cụ thể dục, thể thao ngoài trời và thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em đạt $\geq 70\%$.

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và các điểm sinh hoạt công cộng có quy chế hoạt động, quản lý, khai thác và vận hành hiệu quả.

3.2. Về hoạt động văn hóa cơ sở

a) Hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã

- Có quyết định thành lập, quy chế quản lý và vận hành được cấp có thẩm quyền ban hành.

- Hàng năm, tổ chức hoặc tham gia tối thiểu từ 04 đến 06 hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng, tuyên truyền lưu động, thể dục, thể thao.

- Có tối thiểu 02 câu lạc bộ được thành lập và hoạt động thường xuyên.

- Có mô hình hoạt động thể thao tiêu biểu, thu hút đông đảo người dân thường trú trên địa bàn tham gia.

b) Hoạt động thư viện

- Tổ chức phục vụ nhu cầu của người dân: tối thiểu 03 ngày/tuần.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 02 hoạt động/năm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện; kết nối, liên thông với thư viện công cộng cấp tỉnh.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và các thiết chế văn hóa, giáo dục khác trên địa bàn tổ chức các hoạt động phát triển văn hóa đọc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân tại cơ sở.

- Tối thiểu 70% thôn có mô hình thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng hoặc không gian đọc, phòng đọc cơ sở đảm bảo các điều kiện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

c) Hoạt động Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và trong cộng đồng

- 100% Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật và 01 câu lạc bộ thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên theo hướng dẫn của Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, cụ thể:

+ Câu lạc bộ thành lập tại Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, được cấp có thẩm quyền công nhận và được hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Câu lạc bộ được đầu tư trang thiết bị hoạt động phù hợp với loại hình hoạt động và hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn hợp pháp.

- 60% thôn có câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ hoặc thực hành di sản văn hóa phi vật thể hoạt động thường xuyên, có chất lượng.

d) Hoạt động tập luyện thể dục, thể thao

- Có tối thiểu 30% hộ gia đình và 40% người dân trên địa bàn xã tham gia tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên.

đ) Hồ sơ minh chứng về hoạt động văn hóa cơ sở

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động và Kế hoạch hoạt động hằng năm của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Thư viện công cộng cấp xã.

- Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn và Câu lạc bộ tại Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại các điểm a, b, c, d khoản 3.2 mục 3 phần I.

3.3. Về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

a) 100% hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo quy định pháp luật, có nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, hệ giá trị gia đình.

b) 100% lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng và tổ chức đáp ứng điều kiện về môi trường văn hóa, hướng tới phát triển du lịch.

c) Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu văn hóa theo quy định

- Thôn được tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” phải đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 86/2023/NĐ-CP; Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP; Điều 6, Điều 8 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP; Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa.

- Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt danh hiệu văn hóa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

d) Phòng, chống bạo lực gia đình

- Tỷ lệ số vụ bạo lực gia đình hàng năm được phát hiện, giải quyết theo quy định pháp luật đạt từ 93% trở lên.

- Có mô hình phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động hiệu quả (theo hướng dẫn số 1467/BVHTTDL-GĐ ngày 13 tháng 5 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

đ) Hồ sơ minh chứng về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở

- Danh mục hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Danh mục lễ hội truyền thống trên địa bàn được bảo tồn, phục dựng.

- Quyết định tặng danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” của Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận.

- Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện các nội dung liên quan tại điểm a, b, c, d khoản 3.3 mục 3 phần I.

3.4. Về di sản văn hóa

a) 100% di tích cấp quốc gia trở lên (bao gồm: các di sản đã được UNESCO ghi danh, di tích quốc gia đặc biệt hoặc cụm di tích quốc gia tạo thành một quần thể phân bố trong cùng một khu vực địa lý, có mối quan hệ mật thiết về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ) trên địa bàn (nếu có) hoàn thành việc lập nhiệm vụ quy hoạch và quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 34).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

b) 95% di tích cấp quốc gia đặc biệt và 70% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đáp ứng theo quy định của Luật Di sản văn hóa và các điều kiện về môi trường

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 35 và Điều 36).

- Nghị định số 208/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 06/2025/TT-BVHTTDL.

c) 100% di tích cấp quốc gia trở lên trên địa bàn (nếu có) có chương trình giáo dục di sản văn hóa

- Xây dựng nội dung và tổ chức các chương trình tuyên truyền, học tập ngoại khóa để tìm hiểu giá trị về di sản văn hóa vật thể; di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, về truyền thống lịch sử, văn hóa, tinh thần yêu nước và những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Thực hiện các chương trình trải nghiệm tìm hiểu về văn hóa, lịch sử địa phương và đất nước.

d) Định kỳ hàng năm, cộng đồng, chủ sở hữu di sản văn hóa trên địa bàn (nếu có) được tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể đối với cộng đồng, chủ sở hữu di sản trên địa bàn tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (nếu có).

đ) Định kỳ hàng năm, di sản văn hóa phi vật thể của địa phương (nếu có) được thực hiện, truyền dạy trong gia đình và tổ chức truyền dạy trong cộng đồng, với sự tham gia của Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân, người thực hành và cộng đồng chủ thể di sản

- Luật Di sản văn hóa năm 2024 (Điều 15).

- Điều 5, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 215/2025/NĐ-CP.

- Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa (Điều 97 và Điều 98).

- Chỉ tiêu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

3.5. Về chuyển đổi số, dữ liệu số

a) Hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa, nghệ thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã được tin học hóa, chuyển đổi số

- Chỉ tiêu: Đạt, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể.

b) Xã có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông và 100% thôn, tổ dân phố có cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông hoạt động.

3.6. Về nhân lực quản lý văn hóa

a) 100% cán bộ nghiệp vụ, cộng tác viên, người tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, thư viện cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ.

b) 100% người quản lý trực tiếp di sản văn hóa trên địa bàn xã được tập huấn về công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

II. NỘI DUNG “CÓ ĐỦ CÁC LOẠI HÌNH THIẾT CHẾ CẤP TỈNH”

1. Thiết chế văn hóa

1.1. Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa Điện ảnh, Trung tâm Triển lãm... (sau đây gọi chung là Trung tâm Văn hóa)

- Được quy hoạch tại vị trí trung tâm, thuận lợi.

- Diện tích sử dụng, quy mô xây dựng đạt chuẩn đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD.

- Nhân sự, kinh phí thực hiện theo quy định pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

- Có đầy đủ trang thiết bị (âm thanh, ánh sáng, thiết bị chuyên dụng...) để tổ chức các hoạt động đáp ứng yêu cầu về tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và các nhiệm vụ khác của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ của nhân dân; tăng cường khả năng tiếp cận thông tin, tri thức; thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công và phục vụ quản lý nhà nước.

1.2. Thư viện công cộng

- Bảo đảm các điều kiện và hoạt động theo quy định của Luật Thư viện số 46/2019/QH14; Nghị định số 93/2020/NĐ-CP.

- Có không gian đọc đa phương tiện và trải nghiệm với sách phục vụ người sử dụng thư viện.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông thư viện và phát triển văn hóa đọc: tối thiểu 06 hoạt động/năm.

- Thường xuyên thực hiện bổ sung tài nguyên thông tin, tiện ích thư viện.

- Có trang thiết bị chuyên dụng đáp ứng nhu cầu của người sử dụng thư viện và người làm công tác thư viện.

- Có xe ô tô thư viện lưu động đa phương tiện, trang thiết bị chuyên dụng hoặc các phương tiện vận chuyển khác phù hợp với đặc thù, tính chất hoạt động và điều kiện của thư viện để tổ chức phục vụ lưu động, luân chuyển tài nguyên thông tin về cơ sở.

- Được kết nối với hệ thống quản lý thông tin của cơ quan quản lý; đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ chuyên dụng, xây dựng thư viện số, cơ sở dữ liệu số, triển khai liên kết, chia sẻ tài nguyên thông tin và sản phẩm thông tin-thư viện với các thư viện khác; cung cấp dịch vụ thư viện số cho người sử dụng thư viện.

1.3. Bảo tàng

Bảo tàng được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và các quy định khác của pháp luật liên quan, cụ thể:

- Có đủ hiện vật trưng bày phù hợp với đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng, trong đó có ít nhất 01 sưu tập hiện vật quý hiếm và đã được chuyển đổi từ bản giấy sang định dạng kỹ thuật số; 70% tổng số hiện vật trở lên đã được kiểm kê khoa học.

- Có 100% tổng số hiện vật được bảo quản định kỳ, bảo quản phòng ngừa.

- Có hoạt động trưng bày thường xuyên tại bảo tàng, số lượng khách tham quan bảo tàng hằng năm đạt tối thiểu 25.000 lượt người; hằng năm tổ chức ít nhất 02 cuộc trưng bày chuyên đề và 01 chương trình giáo dục; có chương trình truyền thông giới thiệu nội dung và hoạt động bảo tàng trên phương tiện thông tin đại chúng, trên môi trường điện tử.

- Có công trình kiến trúc bền vững và hạ tầng kỹ thuật phù hợp, bảo đảm cho việc bảo quản, trưng bày hiện vật và các hoạt động thường xuyên khác của bảo tàng.

- 100% tổng số viên chức trực tiếp làm chuyên môn, nghiệp vụ nắm vững kiến thức về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với hạng hoặc vị trí việc làm; trong đó 60% có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành di sản văn hóa hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho nhân lực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch”.

2. Thiết chế thể thao

2.1. Có đủ 3 công trình thể dục thể thao như sân vận động; nhà thi đấu đa năng; bể bơi hoặc hồ bơi và các công trình thể thao khác.

2.2. Các dụng cụ thể dục, thể thao chuyên dùng đảm bảo theo công trình thể thao và từng môn thể thao.

2.3. Tổ chức thi đấu thể thao phù hợp kết nối với các đơn vị xã, phường, đặc khu có hiệu quả.

2.4. Quy định về bố trí quỹ đất: đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT; các quy định khác có liên quan tại QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD; đảm bảo đủ sức chứa, công năng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao.

3. Hồ sơ minh chứng về hoạt động của thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao

3.1. Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thiết chế văn hóa, thể thao do cấp có thẩm quyền ban hành.

3.2. Báo cáo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao về kết quả hoạt động của Thiết chế Văn hóa và Thiết chế Thể thao.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1.1. Cục Văn hóa cơ sở, Gia đình và Thư viện là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và điều kiện tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

1.2. Cục Di sản văn hóa, Cục Thể dục thể thao Việt Nam, Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về phát triển văn hóa toàn diện các cấp giai đoạn 2025 - 2030 để bổ sung các tiêu chí, chỉ tiêu phù hợp với định hướng phát triển văn hóa toàn diện cấp xã và cấp tỉnh.

2.2. Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu của cộng đồng, đặc điểm văn hóa vùng miền, dân tộc giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) là cơ quan đầu mối, chủ trì, tham mưu và hướng dẫn triển khai thực hiện tại địa phương.

2.3. Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy định, chỉ tiêu cụ thể đối với các nhóm xã phù hợp với điều kiện đặc thù và nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo mức đạt chuẩn không thấp hơn so với quy định của trung ương.

3. Hiệu lực thi hành

3.1. Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

3.2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Hướng dẫn này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3.3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để rà soát, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng (*để báo cáo*);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ VH TTDL;
- Các Sở VH TTDL, Sở VH & TT;
- Lưu: VT, VHCS(01), LAT.100.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Thị Thủy